

Số: 3866 /QĐ-UBND

Quận 8, ngày 11 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Quận 8 về thực hiện thu, chi ngân sách năm 2020 và dự toán thu, chi ngân sách Quận 8 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Quận 8 về phân bổ ngân sách Quận 8 năm 2021;

Căn cứ Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP;

Căn cứ Công văn số 2130/UBND-KT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 tại Tờ trình số 342/TTr-TCKH ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021 của các cơ quan, đơn vị để thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 58/NQ-CP của Chính phủ với tổng kinh phí: 7.867.889.453 đồng

(Bảy tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng), cụ thể như sau:

- Cắt giảm 50% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại: 989.292.081 đồng, chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

- Tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021: 6.878.597.372 đồng, chi tiết theo Phụ lục 2, 3 đính kèm.

Điều 2. Kho bạc nhà nước Quận 8 phối hợp các cơ quan, đơn vị giữ lại và hạch toán hủy dự toán theo quy định số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm thêm của các cơ quan, đơn vị tại ngân sách cấp quận (đối với kinh phí của các đơn vị khối phòng ban quận, đoàn thể, sự nghiệp) và ngân sách cấp phường (đối với kinh phí của Ủy ban nhân dân 16 phường).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. UBND Q8;
- KBNN Q8;
- VP (C. PVP, Trần);
- Lưu: VT. 35



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Phụ lục 1

Cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại của năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3866 /QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 13)	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 12)
1	2	3=4+5	4	5
I	Khối hành chính quận	141.241.782	2.300.000	138.941.782
a	Quản lý nhà nước (Khoản: 341)	88.056.232	1.800.000	86.256.232
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8	66.106.232	900.000	65.206.232
2	Phòng Kinh tế Quận 8	10.500.000		10.500.000
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8	900.000	900.000	
4	Thanh tra Quận 8	3.475.000		3.475.000
5	Phòng Y tế Quận 8	7.075.000		7.075.000
b	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo (Khoản: 098)	22.110.000		22.110.000
	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8	22.110.000		22.110.000
c	Sự nghiệp văn hóa (Khoản: 161)	31.075.550	500.000	30.575.550
	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8	31.075.550	500.000	30.575.550
II	Khối đoàn thể	49.622.000		49.622.000
a	Hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội (Khoản: 361)	43.872.000		43.872.000
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8	21.032.000		21.032.000
2	Quận đoàn Quận 8	12.915.000		12.915.000
3	Hội Liên hiệp-phụ nữ Quận 8	5.925.000		5.925.000
4	Hội Cựu chiến binh Quận 8	4.000.000		4.000.000
b	Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội-ngề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp (Khoản: 362)	5.750.000		5.750.000
	Hội Chữ thập đỏ Quận 8	5.750.000		5.750.000
III	Khối quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	28.300.000		28.300.000
1	Ban chỉ huy Quân sự Quận 8 (Khoản: 011)	9.000.000		9.000.000
2	Công an Quận 8 (Khoản: 041)	19.300.000		19.300.000
IV	Khối phường	763.828.299	751.828.299	12.000.000
1	Ủy ban nhân dân Phường 1	36.175.609	36.175.609	
2	Ủy ban nhân dân Phường 2	23.275.000	23.275.000	
3	Ủy ban nhân dân Phường 3	17.500.000	17.500.000	
4	Ủy ban nhân dân Phường 4	75.969.150	75.969.150	
5	Ủy ban nhân dân Phường 5	49.500.000	37.500.000	12.000.000
6	Ủy ban nhân dân Phường 6	29.500.000	29.500.000	
7	Ủy ban nhân dân Phường 7	47.280.000	47.280.000	
8	Ủy ban nhân dân Phường 8	24.000.000	24.000.000	

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 13)	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 12)
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
9	Ủy ban nhân dân Phường 9	81.596.250	81.596.250	
10	Ủy ban nhân dân Phường 10	133.678.700	133.678.700	
11	Ủy ban nhân dân Phường 11	25.592.500	25.592.500	
12	Ủy ban nhân dân Phường 12	64.448.250	64.448.250	
13	Ủy ban nhân dân Phường 13	28.700.340	28.700.340	
14	Ủy ban nhân dân Phường 14	32.250.000	32.250.000	
15	Ủy ban nhân dân Phường 15	27.500.000	27.500.000	
16	Ủy ban nhân dân Phường 16	66.862.500	66.862.500	
V	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo (Khoản: 098)	6.300.000		6.300.000
	Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục Quận 8	6.300.000		6.300.000
Tổng cộng		989.292.081	754.128.299	235.163.782

97

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Phụ lục 2

Tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021
Khối hành chính quận, đoàn thể, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, 16 phường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3866 /QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 13)	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 12)
1	2	3=4+5	4	5
I	Khối hành chính quận	534.330.360	258.203.580	276.126.780
a	Quản lý nhà nước (Khoản: 341)	454.874.612	258.203.580	196.671.032
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8	148.739.967	38.790.606	109.949.361
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8	39.237.394	27.619.181	11.618.213
3	Phòng Kinh tế Quận 8	32.597.008	15.959.408	16.637.600
4	Phòng Quản lý đô thị Quận 8	13.593.274	9.093.274	4.500.000
5	Phòng Tài nguyên Môi trường Quận 8	48.453.107	47.451.107	1.002.000
6	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8	20.190.382	14.079.354	6.111.028
7	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 8	13.251.097	8.401.097	4.850.000
8	Phòng Tư pháp Quận 8	45.877.160	26.495.163	19.381.997
9	Thanh tra Quận 8	15.837.871	15.597.871	240.000
10	Phòng Nội vụ Quận 8	30.938.285	10.606.252	20.332.033
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8	24.043.347	24.043.347	
12	Phòng Y tế Quận 8	22.115.720	20.066.920	2.048.800
b	Sự nghiệp giáo dục (Khoản: 098)	60.913.100		60.913.100
	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8	60.913.100		60.913.100
c	Sự nghiệp văn hóa (Khoản: 161)	18.542.648		18.542.648
	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8	18.542.648		18.542.648
II	Khối đoàn thể	437.234.065	104.184.702	333.049.363
a	Hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội (Khoản: 361)	399.185.132	104.184.702	295.000.430
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8	201.392.042	36.119.788	165.272.254
2	Quận đoàn Quận 8	93.736.812	24.470.336	69.266.476
3	Hội Liên hiệp phụ nữ Quận 8	77.924.693	22.262.993	55.661.700
4	Hội Cựu chiến binh Quận 8	26.131.585	21.331.585	4.800.000
b	Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp (Khoản: 362)	38.048.933		38.048.933
	Hội Chữ thập đỏ Quận 8	38.048.933		38.048.933
III	Khối quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	147.303.630		147.303.630
1	Ban chỉ huy Quân sự Quận 8 (Khoản: 011)	111.270.354		111.270.354
2	Công an Quận 8 (Khoản: 041)	36.033.276		36.033.276
V	Khối phường	1.838.530.457	790.188.913	1.048.341.544

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 13)	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 12)
1	2	3=4+5	4	5
1	Ủy ban nhân dân Phường 1	131.123.969	65.458.404	65.665.565
2	Ủy ban nhân dân Phường 2	193.640.308	40.220.991	153.419.317
3	Ủy ban nhân dân Phường 3	161.814.314	59.473.464	102.340.850
4	Ủy ban nhân dân Phường 4	79.753.784	56.122.389	23.631.395
5	Ủy ban nhân dân Phường 5	142.624.846	41.044.581	101.580.265
6	Ủy ban nhân dân Phường 6	186.108.227	65.044.611	121.063.616
7	Ủy ban nhân dân Phường 7	103.609.799	55.236.360	48.373.439
8	Ủy ban nhân dân Phường 8	32.327.891	32.327.891	
9	Ủy ban nhân dân Phường 9	150.199.986	27.496.436	122.703.550
10	Ủy ban nhân dân Phường 10	138.043.464	51.971.974	86.071.490
11	Ủy ban nhân dân Phường 11	78.738.989	78.738.989	
12	Ủy ban nhân dân Phường 12	136.304.209	60.332.294	75.971.915
13	Ủy ban nhân dân Phường 13	38.037.117	38.037.117	
14	Ủy ban nhân dân Phường 14	62.226.897	39.099.215	23.127.682
15	Ủy ban nhân dân Phường 15	166.245.292	41.852.832	124.392.460
16	Ủy ban nhân dân Phường 16	37.731.365	37.731.365	
Tổng cộng		2.957.398.512	1.152.577.195	1.804.821.317

Ủy ban nhân dân Phường quyết định phân bổ chi tiết số tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của phường năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Phụ lục 3

Tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021

Khối sự nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3866 /QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 13)	Kinh phí không thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 12)
1	2	3=4+5	4	5
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	3.852.052.173	3.538.209.795	313.842.378
a	Giáo dục	3.477.064.858	3.328.698.729	148.366.129
	- Giáo dục mầm non (Khoản: 071)	677.527.672	621.343.672	56.184.000
1	Trường Mầm non Vườn Hồng	54.926.610	34.426.610	20.500.000
2	Trường Mầm non Việt Nhi	32.121.708	32.121.708	
3	Trường Mầm non Bình Minh	24.816.408	24.816.408	
4	Trường Mầm non Tuổi Hoa	42.573.219	29.373.219	13.200.000
5	Trường Mầm non Tuổi Thơ	28.573.646	28.573.646	
6	Trường Mầm non 19/5	45.452.694	45.452.694	
7	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	31.801.729	31.801.729	
8	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	70.682.474	60.182.474	10.500.000
9	Trường Mầm non Vành Khuyên	7.895.905	7.895.905	
10	Trường Mầm non Vàng Anh	36.125.994	36.125.994	
11	Trường Mầm non Nắng Mai	38.861.332	32.861.332	6.000.000
12	Trường Mầm non Sơn Ca	41.496.600	41.496.600	
13	Trường Mầm non Hòa Mi	56.070.316	56.070.316	
14	Trường Mầm non Kim Đồng	65.622.514	59.638.514	5.984.000
15	Trường Mầm non Bông Hồng	31.698.143	31.698.143	
16	Trường Mầm non Bé Ngoan	19.867.804	19.867.804	
17	Trường Mầm non Hoa Phượng			
18	Trường Mầm non Bông Sen	48.940.576	48.940.576	
	- Giáo dục tiểu học (Khoản: 072)	1.660.915.529	1.658.567.529	2.348.000
1	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	82.252.011	80.184.011	2.068.000
2	Trường Tiểu học Rạch Ông	78.561.143	78.561.143	
3	Trường Tiểu học Âu Dương Lân	99.648.357	99.648.357	
4	Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	92.666.006	92.666.006	
5	Trường Tiểu học Thái Hưng	98.019.011	98.019.011	
6	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	38.286.617	38.286.617	
7	Trường Tiểu học Bông Sao	85.765.330	85.765.330	
8	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	78.945.339	78.945.339	
9	Trường Tiểu học Bùi Minh Trục	38.428.346	38.428.346	
10	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	45.142.305	45.142.305	
11	Trường Tiểu học An Phong	48.741.845	48.741.845	
12	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	97.950.603	97.670.603	280.000
13	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	72.333.091	72.333.091	
14	Trường Tiểu học Hưng Phú	72.316.396	72.316.396	

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 13)	Kinh phí không thường xuyên (Mã nguồn NSNN: 12)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
15	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	48.926.129	48.926.129	
16	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	125.695.767	125.695.767	
17	Trường Tiểu học Trần Nguyên Hân	103.598.612	103.598.612	
18	Trường Tiểu học Hồng Đức	68.340.844	68.340.844	
19	Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thị	89.638.133	89.638.133	
20	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	102.428.857	102.428.857	
21	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	66.386.271	66.386.271	
22	Trường Hy Vọng	26.844.516	26.844.516	
	- Giáo dục trung học cơ sở (Khoản: 073)	<u>1.138.621.657</u>	<u>1.048.787.528</u>	<u>89.834.129</u>
1	Trường THCS Dương Bá Trạc	59.035.448	58.600.219	435.229
2	Trường THCS Khánh Bình	60.411.160	60.411.160	
3	Trường THCS Chánh Hưng	93.321.819	58.452.919	34.868.900
4	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	116.420.340	95.760.340	20.660.000
5	Trường THCS Phan Đăng Lưu	93.907.434	93.907.434	
6	Trường THCS Tùng Thiện Vương	173.359.200	152.349.200	21.010.000
7	Trường THCS Lê Lai	67.424.196	67.424.196	
8	Trường THCS Trần Danh Ninh	73.358.050	73.358.050	
9	Trường THCS Bình An	148.621.000	135.761.000	12.860.000
10	Trường THCS Bình Đông	119.053.300	119.053.300	
11	Trường THCS Lý Thánh Tông	98.253.900	98.253.900	
12	Trường THCS Phú Lợi	35.455.810	35.455.810	
b	Đào tạo	374.987.315	209.511.066	165.476.249
1	Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục Quận 8 (Khoản: 098)	140.754.530	54.293.961	86.460.569
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên Quận 8 (Khoản: 075)	162.022.135	150.506.835	11.515.300
3	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Quận 8 (Khoản: 085)	72.210.650	4.710.270	67.500.380
II	Sự nghiệp Văn hóa -Thể dục thể thao	69.146.687	15.549.662	53.597.025
1	Trung tâm Văn hóa-Thể thao Quận 8	34.963.584	2.551.328	32.412.256
	<i>Sự nghiệp Văn hóa (Khoản: 161)</i>	<i>27.429.584</i>	<i>2.551.328</i>	<i>24.878.256</i>
	<i>Sự nghiệp Thể thao (Khoản: 221)</i>	<i>7.534.000</i>		<i>7.534.000</i>
2	Nhà thiếu nhi Quận 8 (Khoản: 161)	34.183.103	12.998.334	21.184.769
	Tổng cộng	3.921.198.860	3.553.759.457	367.439.403

Số: 40/QĐ-LHP

Quận 8, ngày 12 tháng 08 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường
xuyên còn lại của năm 2021
của Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 của Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các Cán bộ-Giáo viên-Nhân viên Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Q8
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Dìà Tim

CẮT GIẢM VÀ TIẾT KIỆM THÊM 10% DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

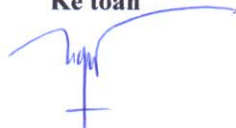
Chương: 622

Khoản: 072

(Theo Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 11/08/2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

ĐVT: Đồng

MỤC	TIÊU MỤC		SỐ THỰC HIỆN NĂM 2020	DỰ TOÁN NĂM 2021 ĐƯỢC DUYỆT	CHIA RA			
					QUÝ 1	QUÝ 2	QUÝ 3	QUÝ 4
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN						
		NGUỒN 13		(102.428.857)	-	-	(102.428.857)	-
		<u>Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</u>		(102.428.857)	-	-	(102.428.857)	-
6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		(102.428.857)	-	-	(102.428.857)	-
	6099	Tiền công khác		(102.428.857)			(102.428.857)	

Kế toán


Nguyễn Phan Bích Ngọc

Ngày 12 tháng 08 năm 2021



Hiệu trưởng

Hồ Địa Tim

**THUYẾT MINH GIẢM VÀ TIẾT KIỆM 10% DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2021**

Mục	Tiêu mục	NỘI DUNG CHI	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	C	D	E
		CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN		
		NGUỒN 13		(102.428.857)
		<u>Tiêu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân</u>		<u>(102.428.857)</u>
6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		(102.428.857)
	6099	Tiền công khác		(102.428.857)

Kế toán



Nguyễn Phan Bích Ngọc

Ngày 12 tháng 08 năm 2021

Hiệu trưởng



Hồ Dìà Tim